TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 06-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Hiếu.
2. Ông Phạm Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 568/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST-DS ngày 29/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2024/QĐST-DS ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Trúc L, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Quỳnh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Trúc L có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đỗ Quỳnh T được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Trúc L trình bày***:

Nguyên giữa bà L và bà T có quan hệ quen biết, do cần vốn làm ăn nên ngày 05/8/2024 bà T đã hỏi bà L vay số tiền 1.600.000.000 đồng, vì tin tưởng nên bà L đã cho bà T vay tiền. Việc vay tiền hai bên có lập giấy tay, nội dung giấy vay do bà T lập, có chữ ký tên, ghi họ tên, lăn tay xác nhận của bà T. Tuy nhiên do sơ suất, bà L không xem kỹ nên không phát hiện bà T ghi ngày vay tiền là "Minh Hòa ngày 05/8/1992", đây là có sự sai sót, nhầm lẫn, thực tế ngày vay là ngày 05/8/2024. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 01 tháng, tức là vào ngày 05/9/2024 bà T sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền vay cho bà L. Bà T cho vay không tính lãi suất.

Việc vay tiền, bà T có thế chấp cho bà L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 592988, số vào sổ cấp GCN 06892 ngày 04/12/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 874028, số vào sổ cấp GCN 09834 ngày 04/12/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cấp cho bà Đỗ Quỳnh T. Hiện nay, bản gốc của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do bà L giữ.

Đến thời hạn thanh toán, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ số tiền vay nhưng bà T vẫn không thực hiện mà cố tình né tránh. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay là 1.600.000.000 đồng và yêu cầu thanh toán một lần.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà L cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 25/9/2024 của bà L (bản gốc); Căn cước công dân của bà L (bản sao); Căn cước công dân của bị đơn bà T (bản sao); Giấy vay tiền ngày 05/8/1992 (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 06892 và số CN 09834 mang tên Đỗ Quỳnh T (bản sao); Bản chụp tin nhắn giao dịch chuyển khoản (bản sao); Đơn xin không hòa giải theo Luật tố tụng của bà L ngày 29/11/2024 (bản gốc); Bản tự khai của bà L ngày 25/9/2024 và ngày 24/10/2024 (bản gốc); Sổ phụ tài khoản ngân hàng A chủ tài khoản Đặng Thị Trúc L (bản có xác nhận của ngân hàng A); Biên bản lấy lời khai đối với bà L ngày 29/11/2024 (bản gốc); Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt của bà L ngày 04/12/2024 (bản gốc).

**** Quá trình tố tụng, bị đơn bà Đỗ Quỳnh T***:

Tại Công văn số 107/CAX ngày 03/12/2024 của Công an xã M, huyện D xác định: Bà Đỗ Quỳnh T, sinh năm 1992, số căn cước công dân 074192002171 có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, TAND huyện Dầu Tiếng thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng (do mẹ ruột bà Hoàng Thị H ở cùng nhà nhận thay và cam kết giao lại) để bà T biết, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà T vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ.

- *Chứng cứ bị đơn bà T cung cấp*: Bà T không cung cấp chứng cứ.

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà T được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà T được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[2] Xem xét đơn khởi kiện ngày 25/9/2024 và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn bà L cung cấp thì bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn bà T phải thanh toán số tiền vay còn thiếu theo giấy vay tiền ngày 05/8/2024 với số tiền là 1.600.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*). Tại Công văn số 107/CAX ngày 03/12/2024 của Công an xã M, huyện D xác định: Bà Đỗ Quỳnh T, sinh năm 1992, số căn cước công dân 074192002171 có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, bị đơn bà T có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tại phiên tòa, các bên đương sự đều vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Đối với yêu cầu trả số tiền vay*: Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T phải thanh toán số tiền vay còn thiếu là 1.600.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*) theo các chứng cứ là giấy vay tiền ngày 05/8/2024 theo bà L xác định là do bà T viết và ký tên, lăn tay xác nhận; bản chụp tin nhắn giao dịch chuyển khoản giữa bà L với bà T và S phụ tài khoản Ngân hàng A chủ tài khoản Đặng Thị Trúc L chuyển khoản cho bà Đỗ Quỳnh T. Như vậy, có căn cứ xác định bà L có cho bà T vay tiền như bà L trình bày.

Tại Công văn số 107/CAX ngày 03/12/2024 của Công an xã M, huyện D xác định: Bà Đỗ Quỳnh T có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Quá trình tố tụng

giải quyết vụ án, TAND huyện Dầu Tiếng thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng (do mẹ ruột bà Hoàng Thị H ở cùng nhà nhận thay và cam kết giao lại) để bà T biết, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà T vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ.

Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bà T đã thanh toán số tiền vay 1.600.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*) theo giấy vay tiền lập ngày 05/8/2024. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] *Đối với việc bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*:

Việc vay tiền, bà T có thế chấp cho bà L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DM 592988, số vào sổ cấp GCN 06892 ngày 04/12/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DN 874028, số vào sổ cấp GCN 09834 ngày 04/12/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cấp cho bà Đỗ Quỳnh T.

Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, trong đó Điều 117 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, Điều 122 về giao dịch dân sự vô hiệu, Điều 292 về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Điều 298 về đăng ký biện pháp bảo đảm, Điều 317 về thế chấp tài sản thì giao dịch thế chấp tài sản giữa bà L với bà T là vô hiệu, bởi: Bà L chưa đảm bảo về chủ thể tham gia giao dịch vì chưa đăng ký ngành nghề được nhận thế chấp tài sản, việc nhận thế chấp tài sản của bà L chưa thực hiện việc đăng ký bảo đảm. Do đó, bà L có trách nhiệm phải giao trả lại bản chính của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Đặng Thị Trúc L đối với bà Đỗ Quỳnh T.

1.1. Buộc bà Đỗ Quỳnh T có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Đặng Thị Trúc L số tiền 1.600.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm triệu đồng*) theo giấy vay tiền lập ngày 05/8/2024.

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Buộc bà Đặng Thị Trúc L có trách nhiệm giao trả lại cho bà Đỗ Quỳnh T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DM 592988, số vào sổ cấp GCN 06892 ngày 04/12/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DN 874028, số vào sổ cấp GCN 09834 ngày 04/12/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cấp cho bà Đỗ Quỳnh T theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Đỗ Quỳnh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*.

2.2. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Trúc L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000594 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng